

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2314**/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **23** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Phụ lục 1 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTT);
- Các đơn vị: ĐTN, QLĐT, PTDN, ĐKKD, TT CNTT&CDS, VP;
- Lưu: VT, VP (KSTH) **Tr**

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Phụ lục 1

**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH,
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2314/QĐ-BKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *JS*



A. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU (Công bố tại các Quyết định: số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 3 năm 2019, số 1901/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 12 năm 2019 và số 1290/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 7 năm 2022)	
1	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
3	Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư
4	Thay đổi, bổ sung các thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
5	Chấm dứt, tạm ngừng tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
6	Khôi phục tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
II. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (Công bố tại các Quyết định: số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 và số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018)	
1	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên
III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Công bố tại các Quyết định số: 885/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 và số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2021)	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)
32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)
40	Giải thể doanh nghiệp
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
44	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội
46	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội
47	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
48	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
49	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
50	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp
51	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp

B. DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI <i>(Công bố tại Quyết định số 426/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 4 năm 2021)</i>	
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài có vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng
2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài có vốn đầu tư dưới 20 tỷ đồng
3	Thông báo thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài
II. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU <i>(Công bố tại các Quyết định: số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 3 năm 2019, số 1901/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 12 năm 2019 và số 1290/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 7 năm 2022)</i>	
1	Thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
III. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA <i>(Công bố tại các Quyết định: số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 và số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 9 năm 2018)</i>	
1	Thông báo giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và báo cáo hoạt động quỹ khởi nghiệp sáng tạo trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV